

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC QUỐC TẾ GIAO AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC QUỐC TẾ GIAO AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIAO AN INTERNATIONAL
PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GIAO AN., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110488492

3. Ngày thành lập: 26/09/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

159C4 Khu đô thị Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Điện thoại: 0932011555

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
2.	Bán buôn thực phẩm Bán buôn thực phẩm chức năng (trừ loại Nhà nước cấm).	4632
3.	Bán buôn đồ uống	4633
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (Theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật dược số: 105/2016/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 06/04/2016); - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh, nhựa.	4649(Chính)
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.	4659
7.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn sản phẩm nhựa, thủy tinh, nguyên liệu từ nhựa, nguyên liệu ngành in, nguyên vật liệu ngành quảng cáo, màng co, bao bì nhựa, bao ni lon, dây đai, bao bì giấy bìa carton.	4669
8.	Trồng cây hàng năm khác	0119
9.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128

10.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
11.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
12.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
13.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
14.	Chăn nuôi gia cầm	0146
15.	Chăn nuôi khác	0149
16.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
17.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
18.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
19.	Khai thác thủy sản biển	0311
20.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
21.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
22.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
23.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (Theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật dược số: 105/2016/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 06/04/2016); - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
25.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Kinh doanh phòng chẩn trị y học cổ truyền (Theo quy định tại Điều 27 Nghị định số: 109/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01/07/2016).	8620
26.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số: 02/2022/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 06/01/2022).	6810
27.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
28.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
29.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
30.	Sản xuất rượu vang	1102
31.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
32.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
33.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
34.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023

35.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc (Theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật dược số: 105/2016/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 06/04/2016).	2100
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số: 10/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17/01/2020).	4933
37.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
38.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
39.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thuốc (Theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật dược số: 105/2016/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 06/04/2016); - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4772

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM NGỌC SƠN	Thôn Tương Chúc, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500.0 00	15.000.000.000	50,000	0010930168 69	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.500.0 00	15.000.000.000	50,000		
2	NGUYỄN TUẤN ANH	Số 4 Dự án Ao Lò Ngói - Ngà Kéo, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	30,000	0270840005 34	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	30,000		

3	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Thôn Cổ Lãm, Xã Bình Định, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	20,000	0270830108 33
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 07/02/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027083010833

Ngày cấp: 18/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Cổ Lãm, Xã Bình Định, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Cổ Lãm, Xã Bình Định, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội